

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2018/DS-ST**
Ngày 11-5-2018
v/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện;
2. Bà Trần Thị Ý Nhi;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2017/TLST- DS, ngày 12/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-DS ngày 5/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-DS, ngày 20/4/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 5, khu phố X, thị trấn DT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện cho nguyên đơn: Ông **Nguyễn B**, sinh 1955. Có mặt.

Trú tại: Số 100 đường 3 Tháng 2, thị trấn DT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận-
Theo giấy ủy quyền lập ngày 27/12/2017.

2. Bị đơn: Ông **Đàm T**, sinh năm 1978, Vắng mặt

Trú tại: Số 67 đường 27, thôn Y, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 5/12/2017, bản khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn trình bày: Vào ngày 6/11/2016 ông Đàm T, trú tại: Số 67 đường số 27, thôn 3, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận có vay của ông Phan Văn H số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đây là tiền riêng của ông H, do các bạn của ông H hỗ trợ để ông H có tiền đi tái khám. Tuy nhiên, sau khi vay tiền ông T không trả cho ông H. Ngày 28/12/2016 ông T viết giấy mượn tiền, với nội dung: Ngày 6/11/2016 ông T vay của ông H số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, ông T sẽ có trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi cho ông H trước tết âm lịch- tức trước ngày 27/01/2017. Nhưng cho đến nay ông T chưa trả tiền cho ông H.

Nay đại diện cho ông H yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là “Giấy mượn tiền” ghi ngày 28/12/2016.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn Đàm T không tham gia, nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh mẹ ông T thì được biết: Hiện tại ông T vẫn sinh sống tại địa chỉ: Số nhà 67 đường 27, thôn 3, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, đã ly hôn vợ. Ông T có biết hiện tại ông H đang khởi kiện tại Tòa án, để yêu cầu ông T trả nợ, ông T có nhận giấy tờ của Tòa án gửi, nhưng do bận nên không đến Tòa án được. Thời gian qua có nghe ông T trả lãi cho ông H, nhưng cụ thể thì không rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

-Phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tiến hành xét xử vụ án. Đối với đương sự thì nguyên đơn và đại diện cho nguyên đơn tuân thủ đúng pháp luật. Bị đơn ông Đàm T không chấp hành theo các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, nên xét xử vắng ông T.

-Phần nội dung: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Đàm T có vay của ông H 15.000.000 đồng. Do vậy buộc ông T phải trả cho ông H 15.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Đàm T vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Về pháp luật áp dụng trong quan hệ này là Bộ luật dân sự năm 2005, vì quan hệ dân sự này xác lập vào năm 2016, trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả số tiền vay 15.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ: Giữa ông T và ông H có vay tiền với nhau, được thể hiện qua giấy mượn tiền, ghi ngày 28/12/2016, với nội dung là: Ông T có vay của ông H số tiền 15.000.000 đồng, hạn đến cuối năm 2016 (âm lịch trả). Đồng thời qua xác minh mẹ của ông H cũng xác định là ông T có vay của ông H. Ngoài ra trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T cũng không có ý kiến phản đối gì. Do đó có đủ chứng

cứ để buộc ông Đàm T phải có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn H số tiền 15.000.000 đồng là phù hợp Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Đồng thời phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuy trong giấy mượn tiền, ông T có ghi tiền lãi tự thỏa thuận, nhưng không ghi rõ mức lãi suất là bao nhiêu; đồng thời trong đơn khởi kiện, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên không tính lãi suất từ ngày vay cho đến ngày xét xử là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Đàm T phải trả cho ông Phan Văn H số tiền: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Phan Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đàm T phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Đàm T phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại cho ông Phan Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018081 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 11/5/2018; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./-

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái